

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày 14/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười- Cán bộ nghỉ hưu.
2. Ông Nguyễn Đức Tuấn- Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiến - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 26/2020/TLHS-ST ngày 10/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 28/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Văn D**, sinh ngày 28/8/1983 xã Yê, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 7/12.

Con ông: Lương Trung T- 1962; Con bà: Vi Thị T- 1962. Có vợ đã ly hôn và 02 con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Tại Quyết định số 07 ngày 24/5/2017 của TAND thành phố L, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 16 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2019. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 27/11/1970, tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 4, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 1/12.

Con ông: Nguyễn Văn N- đã chết; Con bà: Nguyễn Thị Đ- 1949. Có vợ là Ngô Thị P và 03 con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2019. Có mặt tại phiên tòa

*Người làm chứng:

1. Bàn Văn K- 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Triệu Tiến L- 1966(Vắng mặt)

Trú tại: Xóm K, xã La B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi liên quan: Ngô Thị P- 1968

Trú tại: Xóm 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 26/12/2019 Tổ công tác công an xã N làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực bãi thải thuộc xóm Ct, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang Bàn Văn K- 1991, trú tại xóm Đ, xã Yên L và Triệu Tiến L- 1966, trú tại xóm K, xã L đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm 01 bật lửa ga màu vàng, 06 mảnh giấy bạc kích thước 3 x 3cm; 01 mảnh giấy màu vàng bị đốt cháy 01 mặt kích thước 3 x 6cm và 01 mảnh giấy màu trắng (loại giấy vệ sinh). K và L khai nhận số ma túy mà K và L vừa sử dụng là mua của Lương Văn D nhà tại Xóm 4, xã P. Vụ việc được chuyển đến cơ quan CSĐT Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Chiều ngày 27/12/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiến hành khám xét nơi ở của D. Kết quả khám xét đã thu giữ 01 gói chất bột màu trắng gói bằng giấy bạc trong túi xách trong phòng ngủ của D, D khai là heroin mua của Nguyễn Văn H là người cùng xóm với D, niêm phong ký hiệu là A; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 500.000 đồng tại túi quần của D và 01 xe máy BKS 20M3- 4755.

Cùng ngày cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn H. Kết quả khám xét thu giữ số tiền là 5.100.000 đồng và 01 gói ni lon màu đen bên trong có chất bột màu trắng nghi là heroin được niêm phong có ký hiệu là F.

Tại Phòng KTHS Công an tỉnh Thái Nguyên, cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ phối hợp với Phòng KTHS- Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành cân xác định khối lượng số chất bột thu giữ của D và H. Kết quả: Tại gói niêm phong ký hiệu là A thu giữ của D có khối lượng là 0,050 gam. Lấy mẫu giám định niêm phong ký hiệu là A1. Gói chất bột thu giữ của H có khối lượng là 0,239 gam. Lấy mẫu giám định ký hiệu là F1.

Tại bản kết luận giám định số 105/KL-PC09 ngày 03/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng thu giữ của D trong mẫu A1 là ma túy, loại Hêrôin có khối lượng là 0,050 gam.

Tại bản kết luận giám định số 104/KL-PC09 ngày 03/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận số chất bột màu trắng thu giữ của H trong mẫu F1 là ma túy, loại Hêrôin có khối lượng là 0,239 gam.

Tại cơ quan điều tra H và D khai nhận: Khoảng 9 giờ ngày 24/12/2019 H bắt xe buýt xuống khu vực bến xe khách thành phố Thái Nguyên tìm mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác. Tại đây H mua của một người không quen biết 01 gói ma túy với giá là 2.000.000 đồng, sau đó H bắt xe buýt về nhà. Số ma túy trên H sử dụng một phần còn lại chia thành 2 gói nhỏ. 01 gói H giấu tại lều chăn vịt, 01 gói giấu ở túi quần đang mặc. Sáng ngày 26/12/2019 H đang rửa xe tại nhà anh T thì Lương Văn D đến hỏi mua ma túy. H đã bán cho D gói ma túy đó với giá 1.000.000 đồng. Còn đối với D sau khi mua được ma túy D đã sử dụng một phần, số còn lại D chia thành 02 phần, một phần D gói bằng giấy bạc giấu trong túi xách trong phòng ngủ, một phần D chia thành 06 gói nhỏ gói trong gói giấy vệ sinh. Đến 12 giờ ngày 26/12/2019 D đang ở nhà thì K điện thoại đến hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy. D hẹn K đến khu vực cây đa đôi thuộc xã P giao ma túy cho K. Khi K và L sử dụng ma túy thì bị Công an xã N phát hiện, lập biên bản.

Tại bản cáo trạng số 24/ CT-VKSĐT ngày 10/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Lương Văn D, Nguyễn Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo D mức án từ 30 đến 36 tháng tù, bị cáo H mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo H khai: Khoảng 9 giờ ngày 24/12/2019 bị cáo bắt xe buýt xuống khu vực bến xe khách thành phố Thái Nguyên tìm mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác. Tại đây bị cáo mua của một người không quen biết 01 gói ma túy với giá là 2.000.000 đồng. Số ma túy trên bị cáo sử dụng một phần còn lại chia thành 2 gói nhỏ, 01 gói bị cáo giấu tại lều chăn vịt, 01 gói giấu ở túi quần đang mặc. Sáng ngày 26/12/2019 bị cáo đang rửa xe tại nhà anh T thì Lương Văn D đến hỏi mua ma túy nên bị cáo đã bán cho D gói ma túy đó với giá 1.000.000 đồng. Số ma túy còn lại cơ quan điều tra thu giữ. Số tiền 5.100.000 đồng là tiền của vợ chồng bị cáo trong đó có 1.000.000 đồng tiền bán ma túy cho D.

- Bị cáo D khai: Sáng ngày 26/12/2019 bị cáo đi xe máy xuống thị trấn Hùng Sơn để uống thuốc methadone. Khi đi đến xóm 4, xã P thì bị cáo thấy Nguyễn Văn H đang rửa xe ở đó, Bị cáo đến hỏi mua ma túy của H. H đồng ý bán cho bị cáo 01 gói ma túy với giá 1.000.000 đồng. Số ma túy trên bị cáo sử dụng một phần còn lại chia thành 02 phần. Một phần giấu ở trong nhà, phần còn lại chia làm 06 gói nhỏ gói trong tập giấy vệ sinh. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì Bàn Văn K gọi điện thoại hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy. Bị cáo đồng ý và hẹn gặp nhau ở khu vực cây đa đôi, xã P. Lúc sau bị cáo thấy K và một người nữa đến khu vực sau nhà bị cáo. K đưa cho bị cáo 500.000 đồng. Bị cáo cầm tiền và bảo K đi xe xuống khu vực cây đa đôi. K đi trước, bị cáo đi xe máy đi sau. Khi đến cây đa đôi bị cáo đưa gói ma túy cho người cùng đi với K, sau đó bị cáo đi về.

Lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định. Như vậy hành vi bán ma túy của Nguyễn Văn H cho Lương Văn D và hành vi bán ma túy của Lương Văn D cho Bàn Văn K vào ngày 26/12/2019 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” phạm vào khoản 1 Điều 251 của BLHS.

Điều 251 của BLHS quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{3}. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý nhà nước về chất ma túy của nhà nước. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào được quy định tại Điều 52 của BLHS..

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy cả hai bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo D tuy chưa có tiền án nhưng bị cáo có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục sử dụng ma túy và phạm tội. Bị cáo H đã bị xử 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân nên tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết nhân thân đối với các bị cáo.

{5}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo nên cần xử bị cáo H mức án từ 30 đến 36 tháng tù và bị cáo D từ 30 đến 36 tháng tù là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 251 phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung công.

{7}. Về vật chứng: 05 phong bì niêm phong ký hiệu L, A1, A2, F1, F2 cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại Nokia, 01 xe máy BKS 20M3-4755 là phương tiện D dùng vào việc mua bán ma túy cần tịch thu sung công. Số tiền thu giữ của D là 500.000 đồng cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền thu giữ của H là 5.100.000 đồng trong đó có 1.000.000 đồng tiền bán ma túy cho D cần tịch thu sung công, 4.100.000 đồng là tiền theo chị Phụng khai là tiền phúng viếng đám tang cát bố mẹ, đây là khoản tiền chung của vợ chồng H và chị Phụng nên cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

{7}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định sung công quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này Triệu Tiến L, Bàn Văn K có hành sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi đó Công an huyện Đ đã xử lý hành chính. Người bán ma túy cho H không rõ tên, tuổi và địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Nguyễn Văn H, Lương Văn D phạm tội; “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điểm s khoản 1, Điều 51 của BLHS. Điều 329 của BLTTHS

Xử phạt:

1. Nguyễn Văn H: 30(Ba mươi) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/12/2019. Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

2. Lương Văn D: 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/12/2019. Tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

*Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo H, bị cáo D mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

***Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 05 phong bì niêm phong ký hiệu L, A1, A2, F1, F2
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 500.000 đồng tiền bán ma túy của D trong phong bì niêm phong ký hiệu C, 1.000.0000 đồng tiền bán ma túy của H trong phong bì niêm phong ký hiệu E, Tạm giữ 4.100.000 tiền thu giữ của H trong phong bì niêm phong ký hiệu là E.

- Tịch thu sung công 01 điện thoại hiệu Nokia, 01 xe máy BKS 20M3-4755,

(QĐ cHên vật chứng số 19/QĐ-VKS ngày 24/3/2020)

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; NQ 326 của Quốc hội buộc H, D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an Hện Đ (3b);

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện Đ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. Đ (1b);
- THAHS (04b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

LƯƠNG ĐỨC LONG